

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1024/STC-HCSN

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 4 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 130/2005/NĐ-CP về tự chủ tài chính đối với kinh phí quản lý hành chính

Kính gửi: - Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh;
- Ủy ban các Huyện, Thị xã, Thành phố Huế.

Thực hiện Công văn số 2873/UBND-TC ngày 08/04/2020 của UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 130/2005/NĐ-CP về tự chủ tài chính đối với kinh phí quản lý hành chính. Theo đó, UBND tỉnh giao “Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh góp ý theo yêu cầu của Bộ Tài chính”.

Để Sở Tài chính có cơ sở tham gia góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 130/2005/NĐ-CP về tự chủ tài chính đối với kinh phí quản lý hành chính theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài chính đề nghị các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh có văn bản tham gia góp ý gửi Sở Tài chính trước ngày 25/04/2020, file mềm gửi vào địa chỉ email công vụ thduc.stc@thuathienhue.gov.vn để Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

(Công văn số 2873/UBND-TC ngày 08/04/2020 của UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 130/2005/NĐ-CP về tự chủ tài chính đối với kinh phí quản lý hành chính và dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 130/2005/NĐ-CP về tự chủ tài chính đối với kinh phí quản lý hành chính được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính <https://stc.thuathienhue.gov.vn>, tại mục “Lấy ý kiến công dân/tổ chức”)

Sở Tài chính đề nghị các cơ quan chuyên môn quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TC HCSN (HĐ) 

 **GIÁM ĐỐC**



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2873 /UBND-TC
V/v góp ý dự thảo Nghị định thay
thế Nghị định 130/2005/NĐ-CP về
tự chủ tài chính đối với kinh phí
quản lý hành chính

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 3479/BTC-HCSN ngày 25/3/2020 của Bộ Tài chính về việc đề nghị góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ về tự chủ tài chính đối với kinh phí quản lý hành chính (văn bản điện tử kèm theo). Về vấn đề này, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh góp ý theo yêu cầu của Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, TC.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Trần Thị Hoài Trâm

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3479/BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

V/v cho ý kiến về Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước (thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP).

Kính gửi:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các tổ chức chính trị - xã hội.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, trong đó giao Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP (hoàn thành trong tháng 12/2020).

Bộ Tài chính đã nghiên cứu, xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước (thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP).

Đề tiếp tục hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định trước khi thẩm định và trình Chính phủ cho ý kiến về việc xem xét, thông qua, căn cứ quy định tại Điều 86 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan, địa phương nghiên cứu, đóng góp ý kiến bằng văn bản đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định nêu trên (*tập trung cho ý kiến về thành phần hồ sơ, thể thức văn bản, nội dung của các chính sách, đặc biệt là các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu*

trách nhiệm về quản lý sử dụng kinh phí quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước, góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Báo cáo tổng kết).

Văn bản góp ý của Quý cơ quan, địa phương đề nghị gửi về Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp) trước ngày 15 /4/2020 để tổng hợp, hoàn chỉnh Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị định theo quy định.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, địa phương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Vụ PC, Vụ NSNN;
- Vụ I, Vụ CST;
- Cục KHTC, Cục QLCS
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN (30b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Hiếu

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 1

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước

Kính gửi: Chính phủ

Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã giao Bộ Tài chính: “*Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính và khoán kinh phí đối với cơ quan hành chính nhà nước và tổ chức Đảng; đoàn thể; xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP*”.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, trong đó giao Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước (hoàn thành trong tháng 12/2020).

Căn cứ các văn bản nêu trên, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP như sau:

A. ĐỂ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO, BỘ TÀI CHÍNH ĐÃ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ NHƯ SAU:

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TỔNG KẾT, BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP:

- Bộ Tài chính đã có các công văn đề nghị Bộ Nội vụ, các Bộ, địa phương báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với các nội dung sau: (1) Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP giai đoạn 2014-2017; (2) Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP trong thời gian qua, bao gồm: Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các Nghị định này; (3) Kiến nghị, đề xuất giải pháp cụ thể các nội dung cần sửa đổi, bổ sung và lý do đề xuất sửa đổi (căn cứ pháp lý đề nghị sửa đổi và thực tế triển khai).

- Tổ chức đoàn khảo sát tại các Bộ, địa phương về tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP: Khảo sát tại 5 Bộ (Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo) và 8 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Gia Lai, KonTum, Đắk Lắk, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh).

- Trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương giai đoạn 2014-2017; Bộ Tài chính đã có công văn số 14081/BTC-HCSN ngày 14/11/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP trong giai đoạn vừa qua; đồng thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP đến hết năm 2020.

II. Ngày 17/5/2019, Văn phòng Chính phủ có công văn số 4240/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính về việc tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP đến hết năm 2020; trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế các Nghị định trên trong năm 2020 để thực hiện từ năm 2021, đảm bảo phù hợp và đồng bộ với các chính sách về tiền lương, sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế.

B. VỀ HỒ SƠ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Thực hiện chủ trương của Đảng về cơ chế tự chủ của cơ quan nhà nước

a) Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: *Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả.*

b) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã nêu: *“nghiêm túc thực hiện việc khoán kinh phí để phát huy tính tích cực, chủ động và tự chủ, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”*.

Theo đó, tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước, trong đó nên quy định Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là đối tượng thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định (quy định hiện hành là các đoàn thể chính trị - xã hội có thể tự quyết định việc áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, không phải là đối tượng phải áp dụng bắt buộc).

c) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã đề ra nội dung cải cách:

- *Thiết kế cơ cấu tiền lương mới gồm: Lương cơ bản (chiếm khoảng 70% tổng quỹ lương) và các khoản phụ cấp (chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương). Bổ sung tiền thưởng (quỹ tiền thưởng bằng khoảng 10% tổng quỹ tiền lương của năm, không bao gồm phụ cấp).*

- *Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao.*

- *Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng quy chế để thưởng định kỳ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý, gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người.*

- *Thực hiện khoán quỹ lương gắn với mục tiêu tinh giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị. Mở rộng cơ chế khoán kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ.*

Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính gắn với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, trên cơ sở đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị; mở rộng cơ chế tự chủ của đơn vị trong việc tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính trong đó bao gồm khoán quỹ tiền lương, phụ cấp theo số biên chế theo đề án vị trí việc làm gắn với chế độ tiền thưởng theo Nghị quyết số 27-NQ/TW để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả.

2. Đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và định hướng sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật liên quan

Nghị định số 130/2005/NĐ-CP được ban hành từ năm 2005, được hoàn thiện sửa đổi năm 2013 theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP. Từ đó đến nay, hệ thống pháp luật về ngân sách đã được ban hành và có hiệu lực, như Luật Quản

lý, sử dụng tài sản công; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; định mức phân bổ chi quản lý hành chính được sửa đổi...Do đó, việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP là cần thiết, nhằm hoàn thiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước để thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Đáp ứng nhu cầu thực tiễn của việc đổi mới cơ chế quản lý và khuyến khích người làm việc tốt, hiệu quả:

Theo báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại công văn số 14081/BTC-HCSN ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính, sau gần 15 năm triển khai thực hiện quy định về chế độ tự chủ trong quản lý biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, đến nay, việc thực hiện cơ chế tự chủ đã thực hiện hầu hết ở các cơ quan nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan trung ương; các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh, cấp huyện. Cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đã tăng quyền chủ động của các cơ quan trong quá trình chi tiêu, thực hiện nhiệm vụ, cụ thể một số nội dung như sau:

- Cơ chế tự chủ đã từng bước hạn chế tình trạng cơ quan chủ quản cấp trên can thiệp quá sâu vào công việc của cơ quan cấp dưới cũng như hạn chế sự thụ động của cấp dưới chờ ý kiến chỉ đạo của cấp trên mới triển khai thực hiện.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đã được giao quyền chủ động phân bổ, điều chỉnh kinh phí được giao tự chủ để triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ, từ đó công việc được giải quyết nhanh, chủ động hơn.

- Do được tự chủ sử dụng kinh phí được giao, kinh phí được giao tự chủ cuối năm còn dư được chuyển sang năm sau sử dụng nên không còn tình trạng “chạy” kinh phí còn dư cuối năm để chi tiêu cho hết; đồng thời các cơ quan đã đề ra các biện pháp thiết thực nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như quy chế sử dụng ô tô, khoán văn phòng phẩm, khoán tiền điện thoại tại công sở... từ đó tăng chất lượng công tác chuyên môn; có kinh phí tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ công chức và người lao động.

- Cơ chế tự chủ đã trao quyền tự quyết định tổ chức, sắp xếp bộ máy cho thủ trưởng đơn vị; góp phần thúc đẩy sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

- Cán bộ, công chức và người lao động được tạo điều kiện để phát huy tính dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hiện quyền giám sát trong thực thi công vụ và thực hành tiết kiệm chống lãng phí, hạn chế việc sử dụng trang thiết bị của cơ quan cho mục đích cá nhân bằng việc được tham gia đóng góp ý kiến đối với quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản của đơn vị.

Tuy nhiên cơ chế tự chủ nêu trên cũng đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế nhất định như:

Hai là, việc giao kinh phí tự chủ theo biên chế hàng năm do Bộ Nội vụ trình cấp có thẩm quyền giao, chưa thực hiện được theo Đề án vị trí việc làm.

Ba là, việc giao kinh phí tự chủ đối với chi hoạt động nghiệp vụ đặc thù thường xuyên hàng năm chưa thực sự khả thi trong thực tế vì khi giao dự toán, hầu như rất ít cơ quan quy định chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức để đủ điều kiện giao kinh phí tự chủ và có những quan điểm tranh luận khác nhau về việc xác định nghiệp vụ nào là đặc thù, nghiệp vụ nào chưa phải đặc thù, xác định kinh phí được giao tự chủ giữa các cơ quan ở Trung ương và địa phương cũng còn khác nhau, dẫn đến mặt bằng để xác định kinh phí chi hoạt động nghiệp vụ hoạt động đặc thù thường xuyên để xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ chưa thống nhất. Mặt khác, ngoài quy định xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, một số văn bản quy phạm pháp luật khác đã quy định về kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, dẫn đến có sự chưa thống nhất về nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, như quy định về kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kinh phí trang phục...

Trên cơ sở các lý do nêu trên, tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính: *Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính và khoán kinh phí đối với các cơ quan hành chính nhà nước và tổ chức Đảng, đoàn thể; xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; tại công văn số 4240/VPCP-KTTH ngày 17/5/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính về việc tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP đến hết năm 2020; trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế các Nghị định trên trong năm 2020 để thực hiện từ năm 2021, đảm bảo phù hợp và đồng bộ với các chính sách về tiền lương, sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế; Nghị quyết số 01/NQ-CP đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP trình Chính phủ tháng 12/2020.*

Vì vậy, việc trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước là phù hợp với chủ trương của Đảng, có cơ sở pháp lý và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích:

Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP là để cụ thể hóa chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả; đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành như: Luật Ngân sách nhà

nước; pháp luật về phí, lệ phí; định mức phân bổ kinh phí quản lý hành chính giai đoạn 2021-2025....

2. Quan điểm xây dựng Nghị định:

- Việc xây dựng Nghị định mới phải bảo đảm đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả.

- Kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP còn phù hợp; đồng thời khắc phục được tồn tại, hạn chế của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan chủ động hơn nữa trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí quản lý hành chính; thực hiện quyền tự chủ đồng thời gắn với trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

III. NỘI DUNG DỰ THẢO ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Trên cơ sở sự cần thiết ban hành Nghị định, mục đích, quan điểm xây dựng Nghị định, phạm vi điều chỉnh của Nghị định được xác định là quy định về cơ chế tự chủ sử dụng kinh phí quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước. Theo đó, các nội dung về quản lý và sử dụng biên chế không thuộc phạm vi quy định tại Nghị định mà thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng biên chế công chức.

2. Đối tượng áp dụng:

Dự thảo Nghị định quy định đối tượng áp dụng bao gồm các cơ quan nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước; Tòa án nhân dân các cấp; Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn, các tổ chức chính trị - xã hội; trong đó đã bổ sung đối tượng là cơ quan nhà nước thuộc các tổ chức chính trị - xã hội (Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định đối tượng này tự quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này), trừ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã được đảm bảo kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí công đoàn.

3. Một số nội dung chính sách quy định tại dự thảo Nghị định:

Trên nguyên tắc kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP còn phù hợp; thực hiện các quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Bộ Tài chính trình Chính phủ một số nội dung chính sách tại dự thảo Nghị định đã được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung so với quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP như sau:

3.1. Chính sách 1: Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hành chính

3.1.1. Nội dung của chính sách:

Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

3.1.2. Mục tiêu của chính sách:

Xác định rõ phạm vi điều chỉnh chỉ gồm cơ chế tự chủ sử dụng kinh phí quản lý hành chính. Mở rộng đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính bao gồm cơ quan nhà nước thuộc các tổ chức chính trị - xã hội để đảm bảo thống nhất vì Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định đối tượng này tự quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này nên trong thực tế có cơ quan thực hiện, có cơ quan không thực hiện; mặt khác, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã nêu: “*nghiêm túc thực hiện việc khoán kinh phí để phát huy tính tích cực, chủ động và tự chủ, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội*”.

Do vậy dự kiến Nghị định sẽ bổ sung đối tượng áp dụng bao gồm các cơ quan nhà nước thuộc các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam do nguồn kinh phí hoạt động của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam được đảm bảo từ nguồn kinh phí công đoàn).

3.1.3. Giải pháp thực hiện chính sách:

Quy định rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định là cơ chế tự chủ trong sử dụng kinh phí quản lý hành chính. Quy định về tự chủ sử dụng biên chế hành chính thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng biên chế công chức.

Hướng dẫn bổ sung đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính là cơ quan nhà nước thuộc các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam như đã nêu trên).

3.2. Chính sách 2: Quy định về kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện tự chủ

3.2.1. Nội dung của chính sách:

Rà soát quy định các nội dung kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ. Lý do:

a) Theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, phạm vi kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ bao gồm:

(1) Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao;

(2) Chi hoạt động thường xuyên theo định mức biên chế do Thủ tướng Chính phủ quyết định, chi mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định (tuy nhiên, theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017 đã bao gồm nội dung này).

(3) Các khoản chi nghiệp vụ đặc thù thường xuyên mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định đã có dự toán chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định.

(4) Đối với cấp xã, phường, thị trấn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ cách thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể về phương thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ; tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Ngoài ra, tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP còn quy định nguồn thu phí được để lại cũng thuộc phạm vi xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

b) Về thực tiễn triển khai xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ:

- Trong thực tế việc xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ đối với các khoản chi nghiệp vụ đặc thù thường xuyên mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định đã có dự toán chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định chưa thực sự khả thi trong thực tế vì khi giao dự toán, hầu như rất ít cơ quan quy định chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức để đủ điều kiện giao kinh phí tự chủ và có những quan điểm tranh luận khác nhau về việc xác định nghiệp vụ nào là đặc thù, nghiệp vụ nào chưa phải đặc thù, xác định kinh phí được giao tự chủ giữa các cơ quan ở Trung ương và địa phương cũng còn khác nhau, dẫn đến mặt bằng để xác định kinh phí chi hoạt động nghiệp vụ hoạt động đặc thù thường xuyên để xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ chưa thống nhất.

- Ngoài quy định xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, một số văn bản quy phạm pháp luật khác đã quy định về kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, dẫn đến có sự chưa thống nhất về nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định kinh phí giao tự chủ bao gồm cả nguồn thu phí được để lại để phục vụ hoạt động thu phí. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định nguồn thu phí được để lại để chi cho các nội dung tự chủ, không tự chủ của cơ quan nhà nước. Việc quy định phạm vi nguồn kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ bao gồm nguồn thu phí được để lại theo quy định đã tạo thuận lợi cho các cơ quan trong việc chủ động sử dụng nguồn thu phí được để lại, cơ quan có nguồn thu phí được để lại sẽ có điều kiện thực hiện cơ chế tự chủ, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức; tuy nhiên cũng dẫn đến một số bất cập trong triển khai thực hiện, như: Bộ, ngành nào có nguồn thu phí được để lại vẫn được giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước theo biên chế được giao, cũng như khó tách bạch nội dung chi nào từ nguồn thu phí được để lại, nội dung chi nào từ nguồn ngân sách nhà nước vì trong thực tế khó tách bạch nhiệm vụ thu phí với nhiệm vụ khác trong cùng một cơ quan.

c) Một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy định về cơ chế tự chủ đối với cơ quan nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung hoặc đang rà soát sửa đổi, bổ sung sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, như:

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, bãi bỏ Điều 9, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ; bãi bỏ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ. Theo đó, việc xác định kinh phí giao khoán đối với cấp xã cũng cần được rà soát, cập nhật quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019.

- Ngoài ra, hiện nay Bộ Tài chính đang thực hiện việc trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016, trong đó có việc rà soát quy định về nguồn thu phí được để lại đối với các cơ quan nhà nước theo hướng: Phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, chi phí cung cấp dịch vụ thu phí do ngân sách nhà nước đảm bảo.

d) Nghiên cứu cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả; cụ thể:

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã đề có chủ trương: *Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả.*

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ,

công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã đề ra nội dung cải cách:

+ Thiết kế cơ cấu tiền lương mới gồm: Lương cơ bản (chiếm khoảng 70% tổng quỹ lương) và các khoản phụ cấp (chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương). Bổ sung tiền thưởng (quỹ tiền thưởng bằng khoảng 10% tổng quỹ tiền lương của năm, không bao gồm phụ cấp).

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao.

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng quy chế để thưởng định kỳ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý, gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người.

Như vậy, để đảm bảo thống nhất về nguyên tắc giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, cũng như hoàn thiện cơ sở pháp lý về việc giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan nhà nước tại địa phương, dự thảo Nghị định cần rà soát quy định về giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ đối với các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của trung ương và địa phương.

3.2.2. Mục tiêu của chính sách:

Rà soát quy định phạm vi kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ phù hợp với quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, phù hợp với định hướng sửa đổi, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và tăng quyền tự chủ của thủ trưởng cơ quan nhà nước.

3.2.3. Giải pháp thực hiện chính sách:

Căn cứ tình hình thực tiễn xác định kinh phí giao tự chủ trong giai đoạn 2014-2018, căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, dự thảo Nghị định quy định kế thừa phạm vi xác định kinh phí giao tự chủ tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, bổ sung phạm vi khoản bao gồm quỹ tiền thưởng theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, đồng thời rà soát bỏ quy định về giao tự chủ đối với hoạt động chi nghiệp vụ đặc thù để phù hợp với tình hình thực tế và thống nhất về nguyên tắc giao kinh phí tự chủ giữa các cơ quan; bỏ quy định về giao tự chủ từ nguồn thu phí được để lại theo quy định. Theo đó, phạm vi kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ bao gồm: (i) Quỹ lương (bao gồm các khoản đóng góp theo chế độ quy định), định mức chi thường xuyên hàng năm và quỹ tiền thưởng theo Nghị quyết 27-NQ/TW.

(Phí được để lại căn cứ theo định hướng sửa đổi Nghị định 120/2016/NĐ-CP như Bộ Tài chính đang đề xuất, theo đó: phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, chi phí cung cấp dịch vụ thu phí do NSNN đảm bảo).

3.3. Chính sách 3: Rà soát quy định về nội dung chi kinh phí giao tự chủ

3.3.1. Nội dung của chính sách:

Rà soát, bổ sung nội dung chi kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ.

3.3.2. Mục tiêu của chính sách:

Rà soát các nội dung chi kinh phí giao tự chủ, trong đó bổ sung quy định về chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt và chi khen thưởng định kỳ theo quy định tại tiết đ điểm 3.1 mục 3, phần II Nghị quyết số 27/NQ-TW.

3.3.3. Giải pháp thực hiện chính sách:

Kế thừa các nội dung chi kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ, đồng thời bổ sung quy định về chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt và chi khen thưởng định kỳ theo quy định tại tiết đ điểm 3.1 mục 3, phần II Nghị quyết số 27/NQ-TW, bao gồm:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên theo định mức được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng quy chế để thưởng định kỳ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý, gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người.

3.4. Chính sách 4: Rà soát quy định về quản lý kinh phí tự chủ

3.4.1. Nội dung của chính sách:

Rà soát, bổ sung quy định về quản lý kinh phí tự chủ.

3.4.2. Mục tiêu của chính sách:

Tăng quyền chủ động cho các Bộ, địa phương trong việc quyết định định mức chi tiêu cụ thể trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao trừ một số tiêu chuẩn, chế độ chi cần thực hiện thống nhất trong toàn quốc, tạo cơ sở pháp lý đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan.

3.4.3. Giải pháp thực hiện chính sách:

Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa quy định về quản lý kinh phí tự chủ, bao gồm: Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ tự quyết định bố trí số kinh phí được giao vào các mục chi cho phù hợp; được quyền điều chỉnh giữa các mục chi nếu xét thấy cần thiết. Ngoài ra, rà soát quy định về thẩm quyền quyết định mức chi của Thủ trưởng cơ quan theo hướng tăng quyền chủ động cho các Bộ, địa phương trong việc quyết định định mức chi tiêu cụ thể trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao trừ một số tiêu chuẩn, chế độ chi cần thực hiện thống nhất trong toàn quốc.

3.5. Chính sách 5: Rà soát quy định quy định cơ chế sử dụng kinh phí tiết kiệm chi quản lý hành chính

3.5.1. Nội dung của chính sách:

Rà soát, bổ sung quy định về quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm chi quản lý hành chính.

3.5.2. Mục tiêu của chính sách:

Rà soát quy định về xác định kinh phí tiết kiệm và việc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi quản lý hành chính, trong đó có nội dung rà soát quy định về chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức gắn với hiệu quả, chất lượng công việc để khuyến khích người làm việc tốt, hiệu quả...

3.5.3. Giải pháp thực hiện chính sách:

- Rà soát quy định về xác định kinh phí tiết kiệm.
- Rà soát quy định việc sử dụng kinh phí tiết kiệm, trong đó rà soát nội dung quy định về chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức gắn với hiệu quả, chất lượng công việc để khuyến khích người làm việc tốt, hiệu quả...

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA:

1. Kinh phí cho thực hiện chính sách đề nghị xây dựng Nghị định:

Về cơ bản, các chính sách được lựa chọn không phát sinh kinh phí riêng cho triển khai thực hiện vì không phát sinh các điều kiện thực hiện mới. Lý do như sau:

Về cơ bản, các chính sách được lựa chọn không phát sinh kinh phí riêng cho triển khai thực hiện vì không phát sinh các điều kiện thực hiện mới. Lý do như sau:

Việc bố trí dự toán chi quản lý hành chính hiện nay thực hiện theo quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017. Trên cơ sở các nội dung bố trí dự toán chi quản lý hành chính theo quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016, Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định về việc tự chủ sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

Đối với dự kiến phát sinh do việc hình thành quỹ tiền thưởng theo Nghị quyết số 27/NQ-TW sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định sẽ được tổng hợp chung với nhu cầu cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27/NQ-TW và được báo cáo, đánh giá tác động về nguồn lực, các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện Đề án cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27/NQ-TW. Do vậy, việc Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định về việc tự chủ sử dụng quỹ tiền thưởng theo Nghị quyết số 27/NQ-TW không làm phát sinh kinh phí riêng cho việc triển khai Nghị định.

2. Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành:

- Kinh phí, điều kiện bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật dành cho các hoạt động xây dựng Thông tư hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến

pháp luật theo quy định hiện hành.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ ĐỊNH:

Trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến: Tháng 11 năm 2020.

**VII. Ý KIẾN CÁC BỘ NGÀNH VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP
(sẽ tổng hợp sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến
thẩm định của Bộ Tư pháp)**

1. Ý kiến các Bộ, ngành, địa phương

2. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Bộ Tài chính đã hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định trên cơ sở các ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định (Chi tiết lại Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp kèm theo).

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, (2) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, (3) Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, (4) Đề cương dự thảo Nghị định).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC, Vụ NSNN;
- Cục KHTC, Vụ I;
- Cục QCLS;
- Lưu VT, HCSN (16b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Hiếu

DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG

Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày tháng năm 2020 của Bộ Tài chính)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Giải thích từ ngữ

Chương II NỘI DUNG CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SỬ DỤNG KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

- Điều 4. Nguồn kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ
- Điều 5. Xác định kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ.
- Điều 6. Điều chỉnh kinh phí quản lý hành chính được giao thực hiện chế độ tự chủ.
- Điều 7. Nội dung chi kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ
- Điều 8. Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ
- Điều 9. Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ
- Điều 10. Sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan thực hiện chế độ tự chủ
- Điều 12. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Tài chính
- Điều 14. Hiệu lực thi hành

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày tháng năm 2020 của Bộ Tài chính)

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính báo cáo đánh giá tác động chính sách trong dự thảo Nghị định quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: *“Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả”*.

b) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã nêu: *“Việc phân bổ kinh phí thường xuyên theo biên chế chưa gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị là một trong những nguyên nhân làm tăng biên chế”* và *“nghiêm túc thực hiện việc khoán kinh phí để phát huy tính tích cực, chủ động và tự chủ, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”*.

Theo đó, tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước, trong đó nên quy định Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là đối tượng thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định (quy định hiện hành là có thể tự quyết định việc áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, không phải là đối tượng phải áp dụng).

c) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với

cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã đề ra nội dung cải cách:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng quy chế để thưởng định kỳ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý, gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người.

- Thực hiện khoán quỹ lương gắn với mục tiêu tinh giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị. Mở rộng cơ chế khoán kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính gắn với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, trên cơ sở đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị; mở rộng cơ chế tự chủ của đơn vị trong việc tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính trong đó bao gồm khoán quỹ tiền lương, phụ cấp theo số biên chế theo đề án vị trí việc làm gắn với chế độ tiền thưởng theo Nghị quyết số 27-NQ/TW để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả.

1.2. Cơ sở thực tiễn:

Ngày 17/10/2005, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; ngày 07/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. Sau gần 15 năm thi hành, Nghị định này đã góp phần tích cực trong tạo lập, hoàn thiện việc thực hiện cơ chế tự chủ đã thực hiện hầu hết ở các cơ quan nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan trung ương; các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh, cấp huyện. Cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đã tăng quyền chủ động của các cơ quan trong quá trình chi tiêu, thực hiện nhiệm vụ, cụ thể một số nội dung như sau:

- Cơ chế tự chủ đã từng bước hạn chế tình trạng cơ quan chủ quản cấp trên can thiệp quá sâu vào công việc của cơ quan cấp dưới cũng như hạn chế sự thụ động của cấp dưới chờ ý kiến chỉ đạo của cấp trên mới triển khai thực hiện.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đã được giao quyền chủ động phân bổ, điều chỉnh kinh phí được giao tự chủ để triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ, từ đó công việc được giải quyết nhanh, chủ động hơn.

- Do được tự chủ sử dụng kinh phí được giao, kinh phí được giao tự chủ cuối năm còn dư được chuyển sang năm sau sử dụng nên không còn tình trạng “chạy” kinh phí còn dư cuối năm để chi tiêu cho hết; đồng thời các cơ quan đã đề ra các biện pháp tiết thực nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như quy chế sử dụng ô tô, khoán văn phòng phẩm, khoán tiền điện thoại tại công sở... từ

đó tăng chất lượng công tác chuyên môn; có kinh phí tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ công chức và người lao động.

- Cơ chế tự chủ đã trao quyền tự quyết định tổ chức, sắp xếp bộ máy cho thủ trưởng đơn vị; góp phần thúc đẩy sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

- Cán bộ, công chức và người lao động được tạo điều kiện để phát huy tính dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hiện quyền giám sát trong thực thi công vụ và thực hành tiết kiệm chống lãng phí, hạn chế việc sử dụng trang thiết bị của cơ quan cho mục đích cá nhân bằng việc được tham gia đóng góp ý kiến đối với quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản của đơn vị.

Tuy nhiên cơ chế tự chủ nêu trên cũng đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế nhất định như:

Một là, chưa có sự thống nhất về cơ chế tài chính đối với các cơ quan nhà nước:

Một số tổ chức chính trị - xã hội được bố trí kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước như đối với các Bộ, cơ quan trung ương; tuy nhiên Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định các tổ chức chính trị - xã hội tự quyết định việc thực hiện cơ chế tự chủ tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

Hai là, việc giao kinh phí tự chủ theo biên chế hàng năm do Bộ Nội vụ trình cấp có thẩm quyền giao, chưa thực hiện được theo Đề án vị trí việc làm.

Ba là, việc giao kinh phí tự chủ đối với chi hoạt động nghiệp vụ đặc thù thường xuyên hàng năm chưa thực sự khả thi trong thực tế vì khi giao dự toán, hầu như rất ít cơ quan quy định chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức để đủ điều kiện giao kinh phí tự chủ và có những quan điểm tranh luận khác nhau về việc xác định nghiệp vụ nào là đặc thù, nghiệp vụ nào chưa phải đặc thù, xác định kinh phí được giao tự chủ giữa các cơ quan ở Trung ương và địa phương cũng còn khác nhau, dẫn đến mặt bằng để xác định kinh phí chi hoạt động nghiệp vụ hoạt động đặc thù thường xuyên để xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ chưa thống nhất. Mặt khác, ngoài quy định xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, một số văn bản quy phạm pháp luật khác đã quy định về kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, dẫn đến có sự chưa thống nhất về nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, như quy định về kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kinh phí trang phục...

Do vậy, việc nghiên cứu, ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế và đáp ứng yêu cầu thực tế về đổi mới cơ chế tự chủ của cơ quan nhà nước, tiếp tục khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng theo Nghị quyết số 27-NQ/TW để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả, đảm bảo đồng bộ với chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc lập đề nghị xây dựng Nghị định hướng đến các mục tiêu cơ bản sau đây:

Một là, cụ thể hóa chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả.

Hai là, đẩy mạnh việc khoán kinh phí gắn với chế độ tiền thưởng theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; khắc phục tồn tại hạn chế, bất cập trong việc quy định về phạm vi kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

Ba là, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và định hướng sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan như: Luật Ngân sách nhà nước; pháp luật về phí, lệ phí; định mức phân bổ kinh phí quản lý hành chính giai đoạn 2021-2025....trên cơ sở kế thừa, phát triển các quy phạm pháp luật còn phù hợp tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH:

Thông qua việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước trong những năm qua, để thực hiện được các mục tiêu xây dựng chính sách, Bộ Tài chính thực hiện đánh giá tác động của 6 chính sách đề xuất tại Dự thảo tờ trình Chính phủ.

Nội dung đánh giá bao gồm: Xác định vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết vấn đề, đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và đối tượng khác có liên quan, kiến nghị giải pháp lựa chọn.

1. Chính sách 1: Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hành chính

1.1 Xác định vấn đề cần giải quyết:

- Về phạm vi điều chỉnh: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước có tài khoản và con dấu riêng. Nghị định số 130/2005/NĐ-CP cũng quy định một điều về biên chế, tuy nhiên quy định hiện hành của pháp luật về biên chế hành chính đã được quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Mặt khác, các văn bản này hiện nay cũng đang trong quá trình rà soát sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, đề nghị phạm vi điều chỉnh của Nghị định chỉ bao gồm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính; các nội dung liên quan đến biên chế công chức sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về biên chế công chức.

- Về đối tượng áp dụng: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định Các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này nên trong thực tế có cơ quan thực

hiện, có cơ quan không thực hiện. Mặt khác, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã nêu: “*nghiêm túc thực hiện việc khoán kinh phí để phát huy tính tích cực, chủ động và tự chủ, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội*”. Vì vậy, cần quy định đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính bao gồm các cơ quan nhà nước thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội để đảm bảo thống nhất (Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định đối tượng này tự quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này), trừ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã được đảm bảo kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí công đoàn.

1.2 Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Xác định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định đảm bảo quy định đầy đủ, thống nhất với pháp luật hiện hành theo đúng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước.

1.3 Đề xuất giải quyết vấn đề:

Từ vấn đề, mục tiêu cần giải quyết vấn đề nêu trên, dự thảo Nghị định đề nghị:

Phương án 1: (1) Phạm vi điều chỉnh Nghị định chỉ bao gồm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính; các nội dung liên quan đến biên chế công chức sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về biên chế công chức. (2) Bổ sung đối tượng áp dụng Nghị định bao gồm các cơ quan nhà nước thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam như đã nêu trên).

Phương án 2: Giữ nguyên phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng đã quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

1.4 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

1.4.1 Đối với phương án 1:

1.4.1.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Mở rộng đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính tạo cơ sở pháp lý thực hiện đối với các cơ quan thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; thể hiện được nội dung, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017.

- Hạn chế: Không có. Tuy nhiên, phát sinh thêm kinh phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn quy phạm pháp luật liên quan, trong đó có Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

1.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

1.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

1.4.1.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Đối tượng áp dụng được mở rộng theo phương án phù hợp với quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính một cách đồng bộ, thống nhất.

- Hạn chế: Phát sinh chi phí trong công tác rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

1.4.2. Đối với phương án 2:

1.4.2.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không có.

- Hạn chế: Phạm vi điều chỉnh của Nghị định bao gồm tự chủ về biên chế phải rà soát cùng với hệ thống pháp luật về biên chế công chức trong khi Luật Cán bộ, công chức đang được sửa đổi, bổ sung; quy định về Đề án vị trí việc làm, về tinh giản biên chế đang được quy định tại hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về biên chế nên quy định tại Nghị định này chỉ có ý nghĩa về nguyên tắc, không có ý nghĩa nhiều trong thực tế triển khai.

Nếu không có mở rộng đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội mà giữ như hiện hành thì trong thực tế sẽ có đơn vị thực hiện, đơn vị không thực hiện nên không có sự thống nhất trong triển khai thực hiện.

1.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

1.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

1.4.2.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phát sinh chi phí trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, không phát sinh chi phí trong công tác pháp điển hóa liên quan.

- Hạn chế: Không có quy định áp dụng thống nhất về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; chưa thể hiện được nội dung, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, hạn chế của phương án 1, phương án 2, để đảm bảo mục tiêu giải quyết vấn đề, đảm bảo thể hiện được nội dung, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 1.

2. Chính sách 2: Quy định về kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện tự chủ:

2.1 Xác định vấn đề cần giải quyết:

a) Quy định hiện hành về phạm vi kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP bao gồm:

(1) Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao;

(2) Chi hoạt động thường xuyên theo định mức biên chế do Thủ tướng Chính phủ quyết định, chi mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định (tuy nhiên, theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017 đã bao gồm nội dung này).

(3) Các khoản chi nghiệp vụ đặc thù thường xuyên mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định đã có dự toán chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định.

(4) Đối với cấp xã, phường, thị trấn: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ cách thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể về phương thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ; tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Ngoài ra, tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP còn quy định nguồn thu phí được để lại cũng thuộc phạm vi xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

b) Về thực tiễn triển khai xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ:

- Trong thực tế việc xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ đối với các khoản chi nghiệp vụ đặc thù thường xuyên mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định đã có dự toán chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định chưa thực sự khả thi trong thực tế vì khi giao dự toán, hầu như rất ít cơ quan quy định chi tiết theo khối lượng công việc và tiêu chuẩn, chế độ định mức để đủ điều kiện giao kinh phí tự chủ và có

những quan điểm tranh luận khác nhau về việc xác định nghiệp vụ nào là đặc thù, nghiệp vụ nào chưa phải đặc thù, xác định kinh phí được giao tự chủ giữa các cơ quan ở Trung ương và địa phương cũng còn khác nhau, dẫn đến mặt bằng để xác định kinh phí chi hoạt động nghiệp vụ hoạt động đặc thù thường xuyên để xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ chưa thống nhất.

- Ngoài quy định xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, một số văn bản quy phạm pháp luật khác đã quy định về kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, dẫn đến có sự chưa thống nhất về nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định kinh phí giao tự chủ bao gồm cả nguồn thu phí được để lại để phục vụ hoạt động thu phí. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định nguồn thu phí được để lại để chi cho các nội dung tự chủ, không tự chủ của cơ quan nhà nước. Việc quy định phạm vi nguồn kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ bao gồm nguồn thu phí được để lại theo quy định đã tạo thuận lợi cho các cơ quan trong việc chủ động sử dụng nguồn thu phí được để lại, cơ quan có nguồn thu phí được để lại sẽ có điều kiện thực hiện cơ chế tự chủ, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức; tuy nhiên cũng dẫn đến một số bất cập trong triển khai thực hiện, như: Bộ, ngành nào có nguồn thu phí được để lại vẫn được giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước theo biên chế được giao, cũng như khó tách bạch nội dung chi nào từ nguồn thu phí được để lại, nội dung chi nào từ nguồn ngân sách nhà nước vì trong thực tế khó tách bạch nhiệm vụ thu phí với nhiệm vụ khác trong cùng một cơ quan.

c) Một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy định về cơ chế tự chủ đối với cơ quan nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung hoặc đang rà soát sửa đổi, bổ sung sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, như:

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, bãi bỏ Điều 9, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ; bãi bỏ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ. Theo đó, việc xác định kinh phí giao khoán đối với cấp xã cũng cần được rà soát, cập nhật quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019.

- Ngoài ra, hiện nay Bộ Tài chính đang thực hiện việc trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016, trong đó có việc rà soát quy định về nguồn thu phí được để lại đối với các cơ quan nhà nước theo hướng: Phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, chi phí cung cấp dịch vụ thu phí do ngân sách nhà nước đảm bảo.

d) Nghiên cứu cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả; cụ thể:

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã đề có chủ trương: *Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt, hiệu quả.*

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã đề ra nội dung cải cách:

+ Thiết kế cơ cấu tiền lương mới gồm: Lương cơ bản (chiếm khoảng 70% tổng quỹ lương) và các khoản phụ cấp (chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương). Bổ sung tiền thưởng (quỹ tiền thưởng bằng khoảng 10% tổng quỹ tiền lương của năm, không bao gồm phụ cấp).

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao.

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng quy chế để thưởng định kỳ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý, gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người.

Như vậy, để đảm bảo thống nhất về nguyên tắc giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, cũng như hoàn thiện cơ sở pháp lý về việc giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan nhà nước tại địa phương, dự thảo Nghị định cần rà soát quy định về giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ đối với các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của trung ương và địa phương.

2.2 Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Rà soát quy định về xác định kinh phí chi quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ đảm bảo quy định đầy đủ, thống nhất với pháp luật hiện hành theo đúng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước.

2.3 Đề xuất giải quyết vấn đề:

Từ vấn đề, mục tiêu cần giải quyết vấn đề nêu trên, dự thảo Nghị định đề nghị:

Phương án 1: (1) Rà soát nội dung quy định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ về phạm vi nguồn kinh phí theo hướng không bao gồm nguồn thu phí theo chế độ. (2) Rà soát nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ theo hướng: Bổ sung quỹ tiền thưởng theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; đồng thời rà soát bỏ quy định về giao tự chủ đối với hoạt động chi nghiệp vụ đặc thù để phù hợp với tình hình thực tế và thống nhất về nguyên tắc giao kinh phí tự chủ giữa các cơ quan; bỏ quy định về giao tự chủ từ nguồn thu phí được để lại theo quy định. Theo đó, phạm vi kinh phí quản lý hành chính giao tự chủ bao gồm: (i) Quỹ lương (bao

gồm các khoản đóng góp theo chế độ quy định), định mức chi thường xuyên hàng năm và quỹ tiền thưởng theo Nghị quyết 27-NQ/TW.

Phương án 2: Giữ nguyên phạm vi nguồn kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ và nội dung xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ như đã quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

2.4 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

2.4.1 Đối với phương án 1:

2.4.1.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Việc rà soát quy định về phạm vi nguồn kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, rà soát nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ thể hiện được nội dung, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, đảm bảo thống nhất.

- Hạn chế: Không có. Tuy nhiên, phát sinh thêm kinh phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật liên quan, trong đó có Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP và các văn bản quy định về kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

2.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

2.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

2.4.1.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Nguồn kinh phí, nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ được rà soát theo phương án phù hợp với quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

- Hạn chế: Phát sinh chi phí trong công tác rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2.4.2. Đối với phương án 2:

2.4.2.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không có.

- Hạn chế: Nếu không rà soát nội dung kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ dẫn đến khó khăn trong việc xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ do có những cách hiểu khác nhau hoặc có thể dẫn đến sự không thống nhất trong triển khai thực hiện giữa các cơ quan trong việc giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ.

2.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

2.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

2.4.2.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phát sinh chi phí trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, không phát sinh chi phí trong công tác pháp điển hóa liên quan.

- Hạn chế: Chưa thể hiện được chủ trương của Đảng, Chính phủ trong việc tăng cường khoán kinh phí quản lý hành chính, tăng cường chế độ tự chủ gắn với chế độ tiền thưởng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018; vẫn còn có sự chưa thống nhất trong triển khai thực hiện đối với nội dung xác định kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, hạn chế của phương án 1, phương án 2, để đảm bảo mục tiêu giải quyết vấn đề, đảm bảo thể hiện được nội dung, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 1.

3. Chính sách 3: Rà soát quy định về nội dung chi kinh phí giao tự chủ

3.1 Xác định vấn đề cần giải quyết:

Tại tiết đ điểm 3.1 mục 3, phần II Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 21/5/2018 đã đề ra nội dung cải cách:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng quy chế để thưởng định kỳ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý, gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người.

Vì vậy, cần bổ sung quy định nội dung chi kinh phí thực hiện chế độ tự chủ bao gồm các nội dung nêu trên để đảm bảo cụ thể hóa được nội dung, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 21/5/2018.

3.2 Mục tiêu giải quyết vấn đề

Rà soát quy định về nội dung chi của kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ để đảm bảo cụ thể hóa được nội dung, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 21/5/2018.

3.3 Đề xuất giải quyết vấn đề:

Từ vấn đề, mục tiêu cần giải quyết vấn đề nêu trên, dự thảo Nghị định đề nghị:

Phương án 1: Rà soát, bổ sung quy định nội dung chi của kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ, bao gồm đối với: (1) Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (2) Chi thường định kỳ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý, gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người.

Phương án 2: Giữ nguyên nội dung chi của kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ như đã quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

3.4 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

3.4.1 Đối với phương án 1:

3.4.1.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Việc rà soát quy định về nội dung chi của kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ thể hiện được nội dung, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, tạo động lực làm việc có hiệu quả của cán bộ, công chức và người lao động.

- Hạn chế: Không có. Tuy nhiên, phát sinh thêm kinh phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật liên quan, trong đó có Nghị định thay thế Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

3.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

3.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

3.4.1.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Nội dung chi của kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ được rà soát, bổ sung theo phương án phù hợp với quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, đảm bảo bổ sung cơ sở pháp lý để hiện thực hóa quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018.

- Hạn chế: Phát sinh chi phí trong công tác pháp điển văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (ví dụ như chế độ tiền thưởng).

3.4.2. Đối với phương án 2:

3.4.2.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không có.

- Hạn chế: Nếu không bổ sung nội dung chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và chi thường định kỳ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý, gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người sẽ không có cơ sở pháp lý để

đảm bảo thống nhất thực hiện.

3.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

3.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

3.4.2.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phát sinh chi phí trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, không phát sinh chi phí trong công tác pháp điển hóa liên quan.

- Hạn chế: Chưa thể hiện được chủ trương của Đảng, Chính phủ trong việc giao cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được: (1) Sử dụng quỹ tiền lương và kinh phí chi thường xuyên được giao hằng năm để thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và quyết định mức chi trả thu nhập tương xứng với nhiệm vụ được giao; (2) thường định kỳ cho các đối tượng thuộc quyền quản lý, gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người; không tạo động lực làm việc hiệu quả đối với cán bộ, công chức và người lao động

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, hạn chế của phương án 1, phương án 2, để đảm bảo mục tiêu giải quyết vấn đề, đảm bảo thể hiện được nội dung, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 1.

4. Chính sách 4: Rà soát quy định về quản lý kinh phí tự chủ:

4.1. Xác định vấn đề cần giải quyết:

Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định: Cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được vận dụng các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành để thực hiện, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Như vậy, cơ chế tự chủ cho phép thủ trưởng cơ quan quyết định mức chi tiêu trong phạm vi kinh phí được giao nhưng phải tuân thủ định mức được ban hành trong rất nhiều văn bản của nhà nước, trong khi giá cả thị trường luôn biến động và định mức Nhà nước ban hành chưa được điều chỉnh kịp thời để phù hợp với tình hình thực tế; do vậy trong một số trường hợp, các cơ quan không thật sự chủ động trong việc quyết định mức chi.

Mặt khác, mặc dù Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định: Trường hợp các hoạt động đặc thù chưa được quy định tại các văn bản pháp luật thì thủ trưởng cơ quan được vận dụng quyết định mức chi tương ứng với các công việc của các lĩnh vực tương tự đã quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật; tuy nhiên, các Bộ, địa phương phản ánh nội dung này không khả thi trong thực tế vì việc tìm hiểu, xác định nội dung, mức chi của các lĩnh vực tương tự để thực hiện là rất khó khăn, không đảm bảo cơ sở pháp lý vững chắc để thủ trưởng cơ quan có thể

quyết định. Do vậy, cần thiết phải rà soát quy định về tự chủ trong việc quyết định mức chi để đảm bảo phù hợp với thực tiễn triển khai.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Rà soát quy định về nội dung chi của kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ để đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai, tạo cơ sở pháp lý đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan.

4.3. Đề xuất giải quyết vấn đề:

Từ vấn đề, mục tiêu cần giải quyết vấn đề nêu trên, dự thảo Nghị định đề nghị:

Phương án 1: Rà soát, hoàn thiện quy định về sử dụng kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ, trong đó nghiên cứu quy định theo hướng: (1) Mở rộng quyền tự chủ của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi nguồn kinh phí của các Bộ, địa phương để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao và phù hợp với giá cả thị trường, trừ một số mức chi, nội dung chi phải thực hiện thống nhất trong toàn quốc, như: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam. (2) Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thủ trưởng cơ quan được quyết định mức chi trong phạm vi kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ đối với các hoạt động đặc thù chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Phương án 2: Giữ nguyên nội dung quy định về sử dụng kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ như đã quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

4.4 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

4.4.1 Đối với phương án 1:

4.4.1.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Việc rà soát quy định về việc sử dụng kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ sẽ tạo sự chủ động cho các Bộ, địa phương, thủ trưởng các cơ quan trong việc quyết định mức chi phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng nhu cầu, tiến độ công việc.

- Hạn chế: Không có.

4.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

4.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

4.4.1.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Việc hoàn thiện quy định về việc sử dụng kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ bảo đảm cơ sở pháp lý để các Bộ, địa phương thực hiện, tăng tính tự chủ thực sự của các Bộ, địa phương cũng như thủ trưởng cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Hạn chế: Không có.

4.4.2. Đối với phương án 2:

4.4.2.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không có.

- Hạn chế: Nếu giữ quy định hiện hành về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được giao như đã quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sẽ hạn chế tính tự chủ của Bộ trưởng, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định mức chi cao hơn mức chi do Nhà nước ban hành nên một số trường hợp cần quyết định để triển khai nhanh đáp ứng nhu cầu công việc nhưng không thực hiện được, làm hạn chế hiệu quả của công việc; không có cơ sở pháp lý vững chắc để thủ trưởng cơ quan quyết định mức chi trong phạm vi kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ đối với hoạt động đặc thù chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định mức chi.

4.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

4.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

4.4.2.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phát sinh chi phí trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Hạn chế: Chưa mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Bộ, địa phương cũng như không có cơ sở pháp lý vững chắc để thủ trưởng cơ quan quyết định mức chi trong phạm vi kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ trong trường hợp cần thiết để đáp ứng nhu cầu công việc.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, hạn chế của phương án 1, phương án 2, để đảm bảo mục tiêu giải quyết vấn đề, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 1.

5. Chính sách 5: Rà soát quy định cơ chế sử dụng kinh phí tiết kiệm chi quản lý hành chính

5.1. Xác định vấn đề cần giải quyết:

a) Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định phạm vi sử dụng kinh phí tiết kiệm bao gồm:

- Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức tối đa không quá 1,0 lần so với

mức tiền lương ngạch, bậc, chức vụ do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức và quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm cho từng cán bộ, công chức (hoặc cho từng bộ phận trực thuộc) theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc từng bộ phận trực thuộc);

- Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật thi đua khen thưởng;

- Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của cán bộ, công chức; trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, công chức, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế;

- Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức. Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập;

- Trong năm, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được tạm ứng từ dự toán đã giao thực hiện chế độ tự chủ để chi thu nhập tăng thêm, chi cho các hoạt động phúc lợi, chi bổ sung phục vụ các hoạt động nghiệp vụ.

b) Tuy nhiên, qua tổng kết đánh giá tình hình thực hiện cơ chế sử dụng kinh phí tiết kiệm bộc lộ một số hạn chế như sau:

Cơ chế tự chủ quy định số kinh phí tiết kiệm được cuối năm không sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập là chưa phù hợp với thực tế vì theo phản ánh của các Bộ, địa phương, các cơ quan cần có nguồn kinh phí để chủ động chi phúc lợi tập thể, chi khen thưởng đột xuất; do vậy, cần nghiên cứu cho phép các cơ quan chủ động phân phối kinh phí tiết kiệm để bổ sung quỹ dự phòng ổn định thu nhập, trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi... để có nguồn sử dụng trong trường hợp cần thiết.

Do vậy, cần rà soát cơ chế sử dụng, phân phối kinh phí tiết kiệm của cơ quan nhà nước.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Rà soát quy định về sử dụng, phân phối kinh phí tiết kiệm từ kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ để đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai.

5.3. Đề xuất giải quyết vấn đề:

Từ vấn đề, mục tiêu cần giải quyết vấn đề nêu trên, dự thảo Nghị định đề nghị:

Phương án 1: Rà soát, hoàn thiện quy định về xác định kinh phí tiết kiệm, sử dụng, phân phối kinh phí tiết kiệm từ nguồn kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ, trong đó nghiên cứu quy định theo hướng: (1) Rà soát cơ chế chi khen thưởng, chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức để khuyến khích người làm tốt, hiệu quả. (2) Hoàn thiện cơ chế sử dụng, phân phối kinh phí tiết kiệm theo hướng chuyển từ chi khen thưởng, phúc lợi sang cơ chế được trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi... để có nguồn kinh phí sử dụng trong trường hợp cần thiết.

Phương án 2: Giữ nguyên nội dung quy định về sử dụng, phân phối kinh phí tiết kiệm như đã quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

5.4 Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

5.4.1 Đối với phương án 1:

5.4.1.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Việc rà soát, bổ sung quy định về việc sử dụng kinh phí tiết kiệm từ kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ theo phương án 1 sẽ hoàn thiện cơ chế chi khen thưởng, chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức để khuyến khích người làm tốt, hiệu quả, tạo sự chủ động cho các cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ chủ động sử dụng kinh phí tiết kiệm phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng nhu cầu, tiến độ công việc.

- Hạn chế: Không có.

5.4.1.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

5.4.1.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

5.4.1.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Việc hoàn thiện quy định về việc sử dụng kinh phí tiết kiệm nhằm tăng cường, khuyến khích người làm việc tốt hiệu quả, hoàn thiện cơ sở pháp lý về việc trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của cơ quan nhà nước, tăng tính tự chủ của thủ trưởng cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Hạn chế: Không có.

5.4.2. Đối với phương án 2:

5.4.2.1. Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không có.

- Hạn chế: Nếu giữ quy định hiện hành về cơ chế sử dụng, phân phối kinh phí tiết kiệm như đã quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sẽ không khuyến khích người làm việc tốt, hiệu quả do thường có xu hướng cào bằng phân phối thu nhập, dẫn đến vẫn còn tình trạng việc bổ sung thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức và người lao động theo mức bình bầu mức A, B, C chỉ mang tính hình thức.

5.4.2.2. Tác động về giới

Chính sách không tạo ra tác động về giới.

5.4.2.3. Tác động về thủ tục hành chính

Do các chính sách không liên quan đến thủ tục hành chính nên không thực hiện việc đánh giá tác động về thủ tục hành chính.

5.4.2.4. Tác động với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phát sinh chi phí trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Hạn chế: Chưa tạo cơ sở pháp lý trong việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ kinh phí tiết kiệm để các cơ quan chủ động sử dụng trong trường hợp cần thiết, để phù hợp với thực tế.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở đánh giá tác động tích cực, hạn chế của phương án 1, phương án 2, để đảm bảo mục tiêu giải quyết vấn đề, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn phương án 1.

III. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN

Bộ Tài chính dự kiến tổ chức lấy kiến đối với đề nghị xây dựng nghị định trong đó có dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách dưới các hình thức:

(i) Gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các Bộ, cơ quan Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội và địa phương;

(ii) Đăng toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính;

(iii) Tổ chức tọa đàm, hội thảo để lấy ý kiến về các chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng Nghị định.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn thi hành, giám sát việc thực hiện chính sách.

Trên đây là báo cáo sơ bộ báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định về về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính, Bộ Tài chính trân trọng báo cáo./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2020

DỰ THẢO

BÁO CÁO

TỔNG KẾT THỰC TIỄN THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17 THÁNG 10 NĂM 2005 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ VÀ KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2013 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính thực hiện hoạt động tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP) như sau:

A. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN:

Để đảm bảo việc tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP được khách quan, toàn diện, Bộ Tài chính đã chủ động thực hiện nhiều hoạt động đa dạng như sau:

1. Bộ Tài chính đã có các công văn: Công văn số 16325/HTC-HCSN ngày 01/12/2017 gửi Bộ Nội vụ đề nghị báo cáo các nội dung thuộc liên quan đến sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, tinh giản biên chế, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; công văn số 6242/BTC-HCSN ngày 29/5/2018 gửi các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đề nghị: (1) Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP năm 2017; (2) Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP trong thời gian qua, bao gồm: Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các Nghị định này; (3) Kiến nghị, đề xuất giải pháp cụ thể các nội dung cần sửa đổi, bổ sung và lý do đề xuất sửa đổi (căn cứ pháp lý đề nghị sửa đổi và thực tế triển khai) đề nghị Bộ Nội vụ, các Bộ, địa phương báo cáo, đánh giá tình hình thực

hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP với các nội dung sau: (1) Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP giai đoạn 2014-2017; (2) Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP trong thời gian qua, bao gồm: Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các Nghị định này; (3) Kiến nghị, đề xuất giải pháp cụ thể các nội dung cần sửa đổi, bổ sung và lý do đề xuất sửa đổi.

2. Tổ chức đoàn khảo sát tại các Bộ, địa phương về tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP: Khảo sát tại 5 Bộ (Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo) và 8 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh).

3. Thực hiện đánh giá tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP trên cơ sở báo cáo hàng năm của các Bộ, ngành địa phương giai đoạn 2014-2018; trong đó, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương giai đoạn 2014-2017; Bộ Tài chính đã có công văn số 14081/BTC-HCSN ngày 14/11/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP trong giai đoạn vừa qua.

B. NỘI DUNG

I. Các kết quả đạt được

1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

Thực hiện quy định tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước thay thế Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

Về cơ bản, những văn bản hướng dẫn này đã góp phần bảo đảm tính khả thi trong quy định của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP trong thời gian qua.

2. Về đối tượng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính:

Theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, đối tượng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính bao gồm: Bộ, cơ quan ngang Bộ,

cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Toà án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan hành chính khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế và kinh phí quản lý hành chính căn cứ vào chế độ tự chủ quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP để xem xét tự quyết định việc thực hiện chế độ tự chủ.

Ngoài ra, tại trung ương hiện nay có khoảng 105 đơn vị quản lý hành chính nhà nước được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù (một số quy định về chế độ tài chính khác với Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP) thuộc 12 Bộ, cơ quan trung ương (Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền Thông, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ...). Dưới đây, Bộ Tài chính xin báo cáo số liệu cụ thể về đối tượng thực hiện cơ chế tự chủ đối với cơ quan nhà nước trong 4 năm 2014-2017; cụ thể:

2.1. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương:

Theo báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, 100% các cơ quan nhà nước của các Bộ, cơ quan trung ương đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính (trừ 105 đơn vị thực hiện cơ chế tài chính đặc thù nêu trên); cụ thể các năm như sau:

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, tỷ lệ đơn vị thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP năm 2014 là 99,7%; năm 2015 là 99,96%, năm 2016, năm 2017 và năm 2018 là 100%. Tỷ lệ các đơn vị thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP tăng dần từ năm 2014 cho đến năm 2016-2018 là 100% do năm 2016-2017 có thêm Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội thực hiện cơ chế tự chủ tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

2.2. Đối với các địa phương:

2.2.1. Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, thành phố:

Theo báo cáo của các địa phương, trung bình khoảng 97,1% các đơn vị cấp tỉnh (các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội) thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính; tỷ lệ này cụ thể qua các năm như sau: Năm 2014 là 96,5% (theo báo cáo của 60 địa phương); năm 2015 là 97,1% (theo báo cáo của 62 địa phương); năm 2016 là 97,1% (theo báo cáo của 56 địa phương); năm 2017 là 97,8 % (theo báo cáo của 62 địa phương) và năm 2018 là 97,36%.

2.2.2. Đối với các cơ quan thuộc cấp quận, huyện:

Theo báo cáo của các địa phương, trung bình khoảng 95,3% các đơn vị cấp huyện (các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội) thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính; tỷ lệ này cụ thể qua các năm như sau: Năm 2014 là 95,2% (theo báo cáo của 57 địa phương); năm 2015 là 96,1% (theo báo cáo của 59 địa phương); năm 2016 là 96,7% (theo báo cáo của 56 địa phương); năm 2017 là 93,3% (theo báo cáo của 62 địa phương) và năm 2018 là 95,42%.

2.2.3. Đối với ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn:

Theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc thực hiện chế độ tự chủ đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào các quy định tại Nghị định này, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và điều kiện thực tế tại địa phương để quyết định; đến giai đoạn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP đã mở rộng thực hiện cơ chế tự chủ đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên, theo số liệu báo cáo của các địa phương, do Nghị định số 117/2013/NĐ-CP mới triển khai đối với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nên tỷ lệ ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính còn thấp và đã tăng dần từ năm 2014 đến năm 2018; tỷ lệ này cụ thể qua các năm như sau: Năm 2014 là 49,7 % (theo báo cáo 49 địa phương); năm 2015 là 53,8% (theo báo cáo của 45 địa phương); năm 2016 là 66% (theo báo cáo của 45 địa phương); năm 2017 là 66,3% (theo báo cáo của 62 địa phương) và năm 2018 là 74,44%.

(Chi tiết số liệu theo phụ lục số 1, phụ lục số 2 kèm theo)

3. Về tình hình sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế:

3.1. Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Theo báo cáo của Bộ Nội vụ tại công văn số 6686/BNV-TCBC ngày 20/12/2017, trong giai đoạn 2011-2016, trên cơ sở sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức Chính phủ, tổ chức bộ máy bên trong của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ được kiện toàn đồng bộ theo quy định tại Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Thực hiện chủ trương cơ bản không để cấp phòng trong các đơn vị tham mưu thuộc cơ quan trung ương theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, trong đó Khoản 3 Điều 18 quy định như sau: “*Không tổ chức phòng trong vụ. Riêng trường hợp vụ có nhiều mảng công tác hoặc khối lượng công việc lớn, Bộ trình Chính phủ quyết định số lượng phòng trong vụ tại Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ*”. Theo đó, trong quá trình

xây dựng dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo rà soát và xác định cụ thể số lượng phòng trong vụ, bảo đảm theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 123/2016/NĐ-CP.

3.2. Sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện:

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện từ năm 2011 đến nay, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2008/NĐ-CP, Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008, Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ. Đối với các huyện đảo: Số lượng các cơ quan chuyên môn không quá 10 phòng. Riêng huyện đảo Phú Quốc được tổ chức 12 phòng (theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ tháng 3/2016). Hiện nay, có 12 huyện đảo có chính quyền địa phương cấp huyện và 11 huyện đảo đã thành lập phòng chuyên môn.

3.3. Về quản lý biên chế (khỏi Chính phủ quản lý):

3.3.1. Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện (khỏi Chính phủ quản lý) căn cứ các Quyết định số 187/QĐ-TTg ngày 29/01/2011, Quyết định số 2285/QĐ-TTg ngày 26/11/2013, Quyết định số 2177/QĐ-TTg ngày 04/12/2014, Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 23/11/2015, Quyết định số 1998/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo báo cáo của Bộ Nội vụ, năm 2017 có 11 địa phương¹ sử dụng vượt 7.951 biên chế so với số biên chế công chức được Bộ Nội vụ giao. Ngoài ra, tính đến tháng 2/2017, các Bộ, ngành, địa phương còn tự ký hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ tại cơ quan hành chính nhà nước là: 13.277 người (28 Bộ, ngành: 1.488 người; 63 địa phương: 11.789 người).

3.3.2. Tổng hợp biến động biên chế công chức trong giai đoạn 2011-2016 được thể hiện qua 02 giai đoạn cụ thể như sau:

- Từ năm 2011 đến 17/4/2015 (thời điểm ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức) tăng 1.047 biên chế.

- Từ 17/4/2015 đến 31/12/2016, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Luật tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, theo đó biên chế công chức được quản lý chặt chẽ hơn. Trong giai đoạn này, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tổng biên chế công chức năm 2016 giảm so với năm 2015 là 4.103 biên chế (trong đó: Bộ, cơ quan ngang Bộ giảm 1.402 biên chế; địa phương giảm 2.412 biên chế); và tiếp tục giảm trong năm 2017 so với 2016

¹ 11 địa phương sử dụng vượt biên chế công chức: 03 thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng; 08 tỉnh: Hải Dương, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Long An.

là 3.868 biên chế (trong đó: Bộ, cơ quan ngang Bộ giảm 1.718 biên chế; địa phương giảm 2.439 biên chế).

* Đánh giá chung: Việc giao biên chế công chức được thực hiện theo quy định của pháp luật và cơ bản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hành chính. Các quy định của pháp luật về quản lý biên chế chưa có chế tài cụ thể, đủ mạnh để xử lý đối với những trường hợp quản lý, sử dụng biên chế không đúng với quy định.

Để bảo đảm xác định đúng, đủ biên chế công chức tại các cơ quan, tổ chức hành chính theo quy định của Luật cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành, các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, việc triển khai nội dung này trên thực tế còn chậm và gặp nhiều vướng mắc cần được tháo gỡ trong thời gian tới.

Theo báo cáo của Bộ Nội vụ, đa số các Bộ, ngành, địa phương chưa phê duyệt Đề án tinh giản biên chế đến năm 2021 và chưa xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế của Bộ, ngành, địa phương mình từ năm 2015 đến năm 2021 và của từng năm, dẫn đến tình trạng đề xuất giải quyết chính sách tinh giản biên chế không theo quy định (định kỳ 2 lần/năm - 6 tháng/lần)². Đồng thời, mới chỉ tập trung tinh giản biên chế mà không chú trọng việc cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm.

4. Về tự chủ trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính:

4.1. Về kinh phí giao tự chủ và tiết kiệm kinh phí:

4.1.1. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương:

- Về kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí chi quản lý hành chính: Theo số liệu báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, tỷ lệ kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí được giao chi quản lý hành chính năm 2014 là 69,7%; năm 2015 là 68,6%; năm 2016 là 67,9%; năm 2017 là 71,2% và năm 2018 là 73,18%. Như vậy, tỷ lệ kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí chi quản lý hành chính của các Bộ, cơ quan trung ương trung bình khoảng 68% và tăng qua các năm 2016-2018.

- Về tiết kiệm kinh phí giao tự chủ: Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, tỷ lệ kinh phí tiết kiệm/kinh phí chi quản lý hành chính được giao tự chủ năm 2014 là 8,2%; năm 2015 là 8,4%; năm 2016 là 8,4%; năm 2017 là 9,9% và năm 2018 là 8,8%.

Theo số liệu báo cáo nêu trên, tỷ lệ kinh phí tiết kiệm/kinh phí quản lý hành chính được giao tự chủ của các Bộ, cơ quan trung ương trung bình khoảng 8,3%, tỷ lệ này tăng từ năm 2014 đến năm 2018 nhưng tăng không đáng kể. Kinh phí tiết kiệm chủ yếu từ kinh phí của số biên chế chưa tuyển

² Tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Phú Yên, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Bến Tre có 06 văn bản đề nghị thẩm tra danh sách tinh giản biên chế năm 2016; Tỉnh Bắc Giang, Tây Ninh (4), Long An, Phú Yên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Trà Vinh, Bình Thuận, Bến Tre, Đồng Nai, Quảng Trị, Lào Cai, Bắc Ninh, Đà Nẵng (2).

đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao và tập trung vào các Bộ, cơ quan trung ương có nguồn kinh phí được trích lại theo quy định của pháp luật (Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ) và một số ít các đơn vị có nguồn thu phí được để lại theo quy định.

4.1.2. Đối với các cơ quan địa phương:

- Về kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí chi quản lý hành chính: Trên cơ sở báo cáo của các địa phương, kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí được giao chi quản lý hành chính năm 2014 là 58,9% (có 49/61 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về kinh phí giao tự chủ); năm 2015 là 59,1% (có 56/62 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về kinh phí giao tự chủ); năm 2016 là 55% (có 52/56 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về kinh phí giao tự chủ); năm 2017 là 52,3% (theo báo cáo của 62 địa phương) và năm 2018 là 52,31%.

Như vậy, tỷ lệ kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí chi quản lý hành chính của các địa phương trung bình khoảng 56%, tỷ lệ kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí quản lý hành chính năm 2018 nói chung có xu hướng giảm so với năm 2016, một trong những nguyên nhân của việc giảm tỷ lệ là do một số địa phương có gửi báo cáo về Bộ Tài chính nhưng không báo cáo chỉ tiêu này. Tuy nhiên, tỷ lệ kinh phí giao tự chủ/tổng kinh phí quản lý hành chính năm 2017 của từng địa phương có xu hướng tăng so với năm 2016 (như: Hưng Yên, Bắc Giang, Lai Châu, Quảng Nam...).

- Về tiết kiệm kinh phí giao tự chủ: Số liệu báo cáo của các địa phương cho thấy kinh phí tiết kiệm/kinh phí chi quản lý hành chính được giao tự chủ năm 2014 là 8% (có 48/61 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về tiết kiệm kinh phí giao tự chủ); năm 2015 là 7,7% (có 57/62 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về tiết kiệm kinh phí giao tự chủ); năm 2016 là 6,7% (có 53/56 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về tiết kiệm kinh phí giao tự chủ); năm 2017 là 7,8% (có 61/62 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về chỉ tiêu này) và năm 2018 là 7,1%.

Theo số liệu báo cáo nêu trên, tỷ lệ kinh phí tiết kiệm/kinh phí quản lý hành chính được giao tự chủ của các địa phương trung bình khoảng 7,6%, một số địa phương có tỷ lệ kinh phí tiết kiệm/kinh phí quản lý hành chính được giao tự chủ cao hơn tỷ lệ trung bình thường là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, có nguồn thu ngân sách địa phương lớn nên có khả năng phân bổ định mức chi quản lý hành chính để giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cho các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý cao hơn các địa phương khác, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước của địa phương thực hiện nhiệm vụ và tiết kiệm được kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

4.2. Về kinh phí tiết kiệm và chi trả thu nhập tăng thêm của các đơn vị thực hiện chế độ tự chủ:

4.2.1. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương:

- Tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị thực hiện chế độ tự chủ: Theo số liệu báo cáo chưa đầy đủ của các Bộ, cơ quan trung ương, tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị thực hiện chế độ tự chủ năm 2014 là 69,4% (có 15/22 Bộ gửi báo cáo có báo cáo về số đơn vị có kinh phí tiết kiệm); năm 2015 là 69,2% (có 16/21 Bộ gửi báo cáo có báo cáo về số đơn vị có kinh phí tiết kiệm); năm 2016 là 58,4% (có 11/23 Bộ gửi báo cáo có báo cáo về số đơn vị có kinh phí tiết kiệm); năm 2017 là 38,8% (có 22/24 Bộ gửi báo cáo có báo cáo về số đơn vị có kinh phí tiết kiệm) và năm 2018 là 65,74%.

Tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm kinh phí/số đơn vị được giao tự chủ giai đoạn 2014-2018 biến động giữa các năm chủ yếu do các Bộ, cơ quan trung ương báo cáo không đầy đủ số liệu đơn vị có kinh phí tiết kiệm. Năm 2017 tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ của các Bộ giảm so với năm 2016 theo phản ánh của nhiều đơn vị, định mức phân bổ dự toán năm 2017 lồng ghép nhiều nhiệm vụ đặc thù, phải ưu tiên thực hiện nhiệm vụ nên kinh phí tiết kiệm thấp. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương, thì hầu hết các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP có kinh phí tiết kiệm chủ yếu từ nguồn quỹ tiền lương của số biên chế chưa tuyển đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao; trong khi các Bộ phải thực hiện giảm biên chế hàng năm theo quy định tại Nghị quyết của Bộ Chính trị.

- Về chi thu nhập tăng thêm:

+ Năm 2014: Trên cơ sở báo cáo của 22 Bộ, cơ quan trung ương, trong đó có 12/22 Bộ, cơ quan trung ương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 88%; mức trên 0,4 lần là 1%.

+ Năm 2015: Trên cơ sở báo cáo của 21 Bộ, cơ quan trung ương, trong đó có 12/21 Bộ, cơ quan trung ương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 73,8%; mức trên 0,4 lần là 1,4%.

+ Năm 2016: Trên cơ sở báo cáo của 23 Bộ, cơ quan trung ương, trong đó có 12/23 Bộ, cơ quan trung ương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 66,3%; mức trên 0,4 lần là 3,8%.

+ Năm 2017: Trên cơ sở báo cáo của 22 Bộ, cơ quan trung ương, trong đó có 21/22 Bộ, cơ quan trung ương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 51,9%; mức trên 0,4 lần là 10,1%.

+ Năm 2018: Trên cơ sở báo cáo của 23 Bộ, cơ quan trung ương, trong đó có 15/23 Bộ, cơ quan trung ương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 67,9%; mức trên 0,4 lần là 8,7%.

Như vậy, các cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ có mức chi thu nhập tăng thêm chủ yếu ở mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương, mức chi thu nhập tăng thêm trên 0,4 lần tiền lương chiếm tỷ lệ nhỏ, nhưng có xu hướng tăng lên.

Những cơ quan nhà nước có mức thu nhập tăng thêm cao chủ yếu là những cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính đặc thù ở 12 Bộ, cơ quan trung ương có nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu từ nguồn thu phí được để lại và nguồn thu dịch vụ, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước (nếu có) và trích lập các quỹ theo quy định, một số ít đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm thực tế đạt 2 đến 3 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ (Cục Tần số vô tuyến điện 2 lần, Cục Viễn thông 2 lần, Cảng vụ hàng không miền Trung 2,09 lần, Cục Sở hữu trí tuệ 3 lần), còn lại phần lớn các đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm thực tế dưới 2 lần hoặc dưới 1 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ (như các cảng vụ hàng hải, các cảng vụ đường thủy nội địa, Cục Thú y, Cục Bảo vệ thực vật).

4.2.2. Đối với các địa phương:

- Tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị thực hiện chế độ tự chủ:

Theo số liệu báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị thực hiện chế độ tự chủ năm 2014 là 49,5% (có 44/61 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về số đơn vị có kinh phí tiết kiệm); năm 2015 là 54,1% (có 44/62 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về số đơn vị có kinh phí tiết kiệm); năm 2016 là 55,5% (có 41/56 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về số đơn vị có kinh phí tiết kiệm); năm 2017 là 42,8% (có 49/62 địa phương gửi báo cáo có báo cáo về số đơn vị có kinh phí tiết kiệm) và năm 2018 là 40,29%.

- Về chi thu nhập tăng thêm:

+ Năm 2014: Trên cơ sở báo cáo của 61 địa phương, trong đó có 34 địa phương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 46,2 %; mức trên 0,4 lần là 17%.

+ Năm 2015: Trên cơ sở báo cáo của 62 địa phương, trong đó có 34 địa phương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 51,1 %; mức trên 0,4 lần là 12,7%.

+ Năm 2016: Trên cơ sở báo cáo của 56 địa phương, trong đó có 38 địa phương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập

tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 61,9%; mức trên 0,4 lần là 9%.

+ Năm 2017: Trên cơ sở báo cáo của 56 địa phương, trong đó có 38 địa phương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 70%; mức trên 0,4 lần là 5,9%.

+ Năm 2018: Trên cơ sở báo cáo của 63 địa phương, trong đó có 55 địa phương báo cáo về hệ số chi thu nhập tăng thêm; tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm là 53,81%; mức trên 0,4 lần là 9,1%.

5. Về tình hình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công để chủ động sử dụng kinh phí được giao tự chủ:

Theo báo cáo của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công là căn cứ để các cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, chi tiêu minh bạch, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong các cơ quan, đơn vị khi các nội dung chi được đưa ra thảo luận trước tập thể cán bộ, công chức và người lao động để thống nhất thực hiện. Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công giúp nâng cao ý thức sử dụng tài sản công, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; đồng thời làm căn cứ để lãnh đạo, cán bộ công chức và người lao động tổ chức giám sát việc sử dụng kinh phí, tài sản đúng mục đích, ngăn chặn những trường hợp chi tiêu không đúng mục đích, không có hiệu quả.

Tuy nhiên, một số đơn vị chưa tích cực xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công; nội dung quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công còn sơ sài, chưa phù hợp với thực tế và chưa sát với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, chưa linh hoạt cập nhật các căn cứ, các quy định chế độ chi tiêu hiện hành. Lý do của việc chậm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, chậm xây dựng quy chế quản lý tài sản công ở một số đơn vị là do một số đơn vị còn lúng túng trong việc xây dựng các định mức như: sử dụng văn phòng phẩm, vật tư, điện, nước...; một số ủy ban nhân dân xã mới được triển khai thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; các đơn vị chưa mạnh dạn trong việc xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để chi trả thu nhập tăng thêm theo kết quả thực hiện công việc như hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV.

6. Về công tác chấp hành báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ:

Theo báo cáo của một số Bộ, địa phương, công tác chấp hành chế độ thông tin báo cáo của các cơ quan còn chậm so với quy định, số liệu báo cáo chưa đầy đủ, chưa chính xác làm ảnh hưởng đến công tác tổng hợp báo cáo chung của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

I. Ưu điểm:

Sau hơn 15 năm triển khai thực hiện quy định về chế độ tự chủ trong quản lý biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, đến nay, việc thực hiện cơ chế tự chủ đã thực hiện hầu hết ở các cơ quan nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan trung ương; các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh, cấp huyện. Cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đã tăng quyền chủ động của các cơ quan trong quá trình chi tiêu, thực hiện nhiệm vụ, cụ thể một số nội dung như sau:

- Cơ chế tự chủ đã từng bước hạn chế tình trạng cơ quan chủ quản cấp trên can thiệp quá sâu vào công việc của cơ quan cấp dưới cũng như hạn chế sự thụ động của cấp dưới chờ ý kiến chỉ đạo của cấp trên mới triển khai thực hiện.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đã được giao quyền chủ động phân bổ, điều chỉnh kinh phí được giao tự chủ để triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ, từ đó công việc được giải quyết nhanh, chủ động hơn.

- Do được tự chủ sử dụng kinh phí được giao, kinh phí được giao tự chủ cuối năm còn dư được chuyển sang năm sau sử dụng nên không còn tình trạng “chạy” kinh phí còn dư cuối năm để chi tiêu cho hết; đồng thời các cơ quan đã đề ra các biện pháp thiết thực nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như quy chế sử dụng ô tô, khoán văn phòng phẩm, khoán tiền điện thoại tại công sở... từ đó tăng chất lượng công tác chuyên môn; có kinh phí tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ công chức và người lao động.

- Cơ chế tự chủ đã trao quyền tự quyết định tổ chức, sắp xếp bộ máy cho thủ trưởng đơn vị; góp phần thúc đẩy sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

- Cán bộ, công chức và người lao động được tạo điều kiện để phát huy tính dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hiện quyền giám sát trong thực thi công vụ và thực hành tiết kiệm chống lãng phí, hạn chế việc sử dụng trang thiết bị của cơ quan cho mục đích cá nhân bằng việc được tham gia đóng góp ý kiến đối với quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản của đơn vị.

2. Một số khó khăn, tồn tại:

2.1. Về đối tượng thực hiện:

Theo số liệu tổng hợp báo cáo, thì không phải tất cả các cơ quan nhà nước chỉ đơn thuần thực hiện cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP do ở trung ương có một số cơ quan nhà nước được thực hiện cơ chế tài chính đặc thù: Có cơ quan áp dụng cơ chế tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập, có cơ quan được thực hiện đặc thù về chế độ tiền lương, thu nhập tăng thêm cao hơn so với các cơ quan nhà nước chỉ thực hiện cơ chế tài chính tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; tại địa phương thì việc thực hiện cơ chế tự chủ của Ủy ban nhân dân cấp xã còn hạn chế.

2.2. Về cơ sở giao tự chủ, giao khoán kinh phí:

2.2.1. Đối với ngân sách nhà nước cấp:

- Đối với cơ quan nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Kinh phí giao thực hiện tự chủ, giao khoán được xác định theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. Tuy nhiên đến nay nhiều cơ quan đơn vị vẫn chưa được phê duyệt đề án vị trí việc làm; việc giao kinh phí tự chủ vẫn dựa vào biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

+ Kinh phí tự chủ căn cứ vào định mức phân bổ dự toán; tuy nhiên, định mức phân bổ dự toán chỉ quản lý hành chính cả trung ương và địa phương trong giai đoạn 2014-2018 hầu như không được điều chỉnh; định mức phân bổ dự toán năm 2017 được điều chỉnh tăng so với năm 2016 nhưng đã bao gồm kinh phí của nhiều nhiệm đặc thù của ngành, lĩnh vực trước đây đang được bố trí ngoài định mức nên định mức phân bổ dự toán thực tế không được điều chỉnh tăng nhiều; trong khi giá cả thị trường thực tế thời gian qua điều chỉnh tăng qua các năm.

Mặt khác, đối với các Bộ, cơ quan trung ương việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên theo định mức căn cứ vào tổng biên chế của Bộ, cơ quan mà không căn cứ vào đặc thù về bộ máy tổ chức nên dẫn đến thực tế là Bộ, cơ quan nào có nhiều đơn vị trực thuộc hoặc trụ sở làm việc của các đơn vị trực thuộc phân tán sẽ gặp khó khăn trong việc phân bổ và sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo định mức; vì chi phí hoạt động đảm bảo bộ máy chiếm tỷ trọng khá lớn nên phần kinh phí để sử dụng cho hoạt động chuyên môn hạn hẹp, khó tiết kiệm được kinh phí giao tự chủ.

- Đối với ủy ban nhân dân cấp xã: Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về phương thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ trên cơ sở quỹ tiền lương, định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên, tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc triển khai cơ chế tự chủ tại cấp xã còn hạn chế.

2.2.2. Đối với nguồn thu phí được để lại theo quy định:

Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định kinh phí giao tự chủ bao gồm cả nguồn thu phí được để lại để phục vụ hoạt động thu phí. Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định nguồn thu phí được để lại để chi cho các nội dung tự chủ, không tự chủ của cơ quan nhà nước; đối với cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ theo quy định của Chính phủ. Quy định này đã tạo thuận lợi cho các cơ quan trong việc chủ động sử dụng nguồn thu phí được để lại, cơ quan có nguồn thu phí được để lại sẽ có điều kiện thực hiện cơ chế tự chủ hơn; tuy nhiên, các cơ quan tài chính lại gặp vướng mắc trong việc xác định kinh phí bố trí cho các cơ quan này từ nguồn dự toán chi ngân sách nhà nước (NSNN).

2.3. Về tự chủ trong việc quyết định mức chi:

Cơ chế tự chủ cho phép thủ trưởng cơ quan quyết định mức chi tiêu trong phạm vi kinh phí được giao nhưng phải tuân thủ định mức được ban hành trong rất nhiều văn bản của nhà nước, trong khi giá cả thị trường luôn biến động và định mức Nhà nước ban hành chưa được điều chỉnh kịp thời để phù hợp với tình hình thực tế; do vậy trong một số trường hợp, các cơ quan không thật sự chủ động trong việc quyết định mức chi.

Mặc dù Nghị định số 117/2013/NĐ-CP quy định: Trường hợp các hoạt động đặc thù chưa được quy định tại các văn bản pháp luật thì thủ trưởng cơ quan được vận dụng quyết định mức chi tương ứng với các công việc của các lĩnh vực tương tự đã quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật; tuy nhiên, các Bộ, địa phương phản ánh nội dung này không khả thi trong thực tế vì việc tìm hiểu, xác định nội dung, mức chi của các lĩnh vực tương tự để thực hiện là rất khó khăn, không đảm bảo cơ sở pháp lý vững chắc để thủ trưởng cơ quan có thể quyết định.

2.4. Về phân phối, sử dụng kinh phí tiết kiệm:

Cơ chế tự chủ quy định chi trả thu nhập tăng thêm theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người (hoặc từng bộ phận trực thuộc). Tuy vậy, theo phản ánh của các Bộ, địa phương, đa số các cơ quan chưa xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; việc trả thu nhập tăng thêm căn cứ vào mức bình bầu theo các mức A, B, C còn hình thức.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, khó khăn:

3.1. Nguyên nhân khách quan:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các cơ quan nhà nước chưa thống nhất, đồng bộ, trong quá trình thực hiện đã phát sinh một số vấn đề chưa phù hợp với thực tế, như:

Việc thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP không đồng bộ do một số văn bản pháp luật khác đã quy định cơ chế tài chính đặc thù cho một số cơ quan nhà nước khác so với Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

Quỹ tiền lương và kinh phí giao tự chủ tính giảm tuyệt đối theo số biên chế được giao giảm nên không khuyến khích việc tinh giản biên chế, giảm ý nghĩa của cơ chế giao khoán kinh phí.

Việc không thống nhất một phương thức giao kinh phí tự chủ đối với ủy ban cấp xã khiến các địa phương lúng túng trong triển khai thực hiện nên chưa mạnh dạn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP đối với ủy ban nhân dân cấp xã.

Chưa có quy định về cơ chế bố trí nguồn NSNN đảm bảo hoạt động của cơ quan nhà nước có nguồn thu phí được để lại chi theo quy định.

Việc mở rộng quyền quyết định mức chi của Bộ trưởng, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định mức chi cao hơn mức chi do Nhà nước ban hành còn hạn chế nên một số trường hợp cần quyết định để triển khai nhanh đáp ứng nhu cầu công việc nhưng không thực hiện được, làm hạn chế hiệu quả của công việc.

Việc chỉ quy định các nội dung chi thu nhập tăng thêm, chi khen thưởng, phúc lợi từ nguồn kinh phí tiết kiệm mà không quy định việc trích quỹ cho các nội dung này chưa đáp ứng được thực tế của các cơ quan.

- Nguồn lực ngân sách nhà nước có hạn nên định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính hầu như không được điều chỉnh trong nhiều năm, làm hạn chế nguồn kinh phí giao khoán, giao tự chủ của các cơ quan.

- Một số quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP không còn phù hợp với Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành trung ương về chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp: *Bãi bỏ các chế độ hỗ trợ ngoài lương đối với cán bộ, công chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước như: Tiền bồi dưỡng hợp; tiền bồi dưỡng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, hội thảo... (khoản 4 mục III); Từ năm 2021, áp dụng chế độ tiền lương mới thống nhất đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong toàn bộ hệ thống chính trị (khoản 2.2 mục II).*

3.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Do chưa triển khai xây dựng đề án vị trí việc làm nên việc giao khoán kinh phí căn cứ theo biên chế được giao hàng năm; trong khi biên chế có xu hướng ngày càng giảm nên làm giảm tính tích cực và ý nghĩa của cơ chế tự chủ.

- Một số cơ quan xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ còn sơ sài, chưa sát với yêu cầu quản lý, chi tiêu hoạt động thường xuyên hàng ngày của đơn vị mình nên còn lúng túng, chưa chủ động phát huy quyền được tự chủ quyết định mức chi, nội dung chi để thực hiện nhiệm vụ.

- Cơ chế tự chủ đã giao quyền cho các Bộ, địa phương xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để căn cứ trả thu nhập tăng thêm theo kết quả hoàn thành nhiệm vụ nhưng các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chưa chủ động, quyết liệt thực hiện nên việc chi trả thu nhập tăng thêm còn cao bằng, chưa khuyến khích người có năng lực, trình độ phát huy khả năng lao động, sáng tạo trong công việc để được hưởng thu nhập theo kết quả hoàn thành nhiệm vụ.

C. ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành nêu trên, để tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Bộ Tài chính đề nghị Chính phủ xây dựng Nghị định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước với các nội dung chủ yếu sau:

Một là, cụ thể hóa chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; tiếp tục cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính gắn với chế độ tiền thưởng để khuyến khích những người làm việc tốt,

hiệu quả; giao quyền tự chủ cho các cơ quan, đơn vị gắn với chế độ tiền thưởng, mở rộng phạm vi khoán kinh phí quản lý hành chính bao gồm quỹ tiền thưởng bằng 10% quỹ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Theo đó, phạm vi khoán kinh phí quản lý hành chính bao gồm: Quỹ tiền lương, chi thường xuyên theo định mức và quỹ tiền thưởng bằng 10% quỹ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW;

Hai là, đẩy mạnh việc khoán kinh phí gắn với chế độ tiền thưởng theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; khắc phục tồn tại hạn chế, bất cập trong việc quy định về phạm vi kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

Ba là, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và định hướng sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan như: Luật Ngân sách nhà nước; pháp luật về phí, lệ phí; định mức phân bổ kinh phí quản lý hành chính giai đoạn 2021-2025....trên cơ sở kế thừa, phát triển các quy phạm pháp luật còn phù hợp tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

BỘ TÀI CHÍNH

TỜNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 CỦA CHÍNH PHỦ
Khởi các địa phương giai đoạn năm 2014- 2018
(Phụ lục kèm theo báo cáo)

Phụ lục số 2

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1. Tỷ lệ (%) đơn vị triển khai Nghị định 130/ống số cơ quan nhà nước					
1.1 Cấp tỉnh	96,54%	97,01%	97,14%	97,78%	97,36%
a. Số lượng cơ quan nhà nước cấp tỉnh	2.862	3.042	2.586	2.889	3.036
b. Số lượng đơn vị thực hiện tự chủ	2.763	2.951	2.512	2.825	2.956
1.2 Cấp Huyện	95,25%	96,14%	96,70%	93,30%	95,42%
a. Số lượng cơ quan nhà nước cấp huyện	9.511	10.420	9.272	10.968	11.243
b. Số lượng đơn vị thực hiện tự chủ	9.059	10.018	8.966	10.233	10.728
1.3 Cấp xã	49,73%	53,84%	69,21%	66,31%	74,44%
a. Số lượng cơ quan nhà nước cấp xã	5.447	5.945	5.099	9.613	9.378
b. Số lượng đơn vị thực hiện tự chủ	2.709	3.201	3.529	6.374	6.981
2. Chênh lệch biên chế được giao-biên chế có mặt (người)	8.271	11.364	10.381	20.957	25.128
3. Về kinh phí giao tự chủ và tiết kiệm kinh phí					
3.1. Tỷ lệ (%) kinh phí được giao tự chủ/Tổng kinh phí chi quản lý hành chính	58,92%	59,19%	55,02%	52,33%	52,31%
3.2. Tỷ lệ (%) kinh phí tiết kiệm/kinh phí giao tự chủ	8,05%	7,74%	6,73%	7,80%	7,10%
4. Về phân phối kinh phí tiết kiệm và chi trả thu nhập tăng thêm					
4.1. Tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị được giao tự chủ (%)	49,50%	54,10%	55,57%	42,82%	40,29%
4.2. Tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm (%)	46,20%	81,39%	61,88%	70,02%	53,81%
4.3. Tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm trên mức 0,4 lần quỹ tiền lương/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm (%)	16,97%	12,67%	9,01%	5,85%	9,11%
4.4. Tỷ lệ chi thu nhập tăng thêm/kinh phí tiết kiệm	48,15%	39,68%	52,24%	57,03%	67,02%
4.5. Tỷ lệ chi khen thưởng, phúc lợi/kinh phí tiết kiệm	17,82%	20,94%	20,59%	18,85%	48,54%
4.6. Tỷ lệ trích Quỹ dự phòng ôn định thu nhập/kinh phí tiết kiệm	0,89%	1,79%	3,41%	2,46%	1,86%

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 CỦA CHÍNH PHỦ

Khối các cơ quan trung ương giai đoạn năm 2014-2018

(Phụ lục kèm theo báo cáo)

Phụ lục số 1

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1. Tỷ lệ (%) đơn vị triển khai Nghị định 130/tổng số cơ quan nhà nước	99,75%	99,96%	99,97%	100,00%	100,00%
1.1 Tổng số cơ quan nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan trung ương	2.797	2.802	2.874	2.782	2.797
1.2 Số đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ Nghị định 130/2005/NĐ-CP	2.790	2.801	2.873	2.782	2.797
2. Chênh lệch (biên chế được giao-biên chế có mặt (người))	2.744	3.627	3.472	4.859	4.040
3. Về kinh phí giao tự chủ và tiết kiệm kinh phí					
3.1. Tỷ lệ (%) kinh phí được giao tự chủ/Tổng kinh phí chi quản lý hành chính	69,70%	68,58%	67,85%	71,15%	73,18%
3.2. Tỷ lệ (%) kinh phí tiết kiệm/kinh phí giao tự chủ	8,20%	8,39%	8,41%	9,88%	8,82%
4. Về phân phối kinh phí tiết kiệm và chi trả thu nhập tăng thêm					
4.1. Tỷ lệ đơn vị có kinh phí tiết kiệm/số đơn vị được giao tự chủ (%)	69,40%	69,20%	58,40%	38,82%	65,74%
4.2. Tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm mức dưới 0,1 lần quỹ tiền lương/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm (%)	88,10%	73,84%	66,32%	51,88%	67,98%
4.3. Tỷ lệ đơn vị chi thu nhập tăng thêm trên mức 0,4 lần quỹ tiền lương/số đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm (%)	1,02%	1,40%	3,84%	10,15%	8,70%
4.4. Tỷ lệ chi thu nhập tăng thêm/kinh phí tiết kiệm	18,50%	32,56%	51,89%	45,24%	51,27%
4.5. Tỷ lệ chi khen thưởng, phúc lợi/kinh phí tiết kiệm	22,20%	40,36%	29,17%	30,20%	28,70%
4.6. Tỷ lệ trích Quỹ dự phòng ổn định thu nhập/kinh phí tiết kiệm	3,20%	2,73%	3,44%	4,68%	3,60%

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
Hội Nông dân Việt Nam
Hội Cựu chiến binh Việt Nam
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam